

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Bản án số: 04/2019/KDTM-PT

Ngày: 10 - 4 - 2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thắng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Ánh

Ông Trương Hồng Căn

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 11/2018/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 12 năm 2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐ-PT ngày 25/01/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐ-PT ngày 22/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐ-PT ngày 22/3/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V. Địa chỉ: Số 02, đường L, phường Th , Quận B, Thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trịnh Ngọc Kh, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân L, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V - Chi nhánh thành phố M (nay là chi nhánh Đ Quảng Ninh), theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014. *Người được ủy quyền lại:* ông Nguyễn Linh S, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V - Chi nhánh Đ Quảng Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 26/4/2018); vắng mặt có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: 1/ Ông Nguyễn Việt D, sinh năm 1971. Chức vụ: Luật sư (số thẻ 9963/LS do Liên đoàn luật sư Việt Nam cấp ngày 21/7/2015) thuộc Công ty Luật TNHH MTV A - Đoàn luật sư tỉnh

Quảng Ninh. Địa chỉ: Số 587, đường Ng, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt có lý do.

2/ Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1986. Chức vụ: Luật sư (số thẻ 8023/LS do Liên đoàn luật sư Việt Nam cấp ngày 16/9/2015) thuộc Công ty Luật TNHH MTV A - Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh. Địa chỉ: Số 587, đường Ng, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1974. Nơi ĐKKHKT: Xóm Đ, thôn C, xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương. Nơi đăng ký tạm trú: Thôn 5, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1972. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 5, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thể hiện: Ngày 27/11/2014, ông có vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V - chi nhánh thành phố M (nay là chi nhánh Đ Quảng Ninh), (sau đây viết tắt là Ngân hàng). Hai bên lập hợp đồng tín dụng số 8090-LAV-201402042. Theo đó, Ngân hàng cho ông T vay số tiền là 2.320.000.000đ (*hai tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng*); lãi suất cho vay là 10,5%/năm; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 27/11/2014 đến ngày 27/11/2015; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất đã thỏa thuận; mục đích vay là để kinh doanh nguyên vật liệu xây dựng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị Gi thế chấp những tài sản sau:

+ Quyền sử dụng thửa đất số 00, diện tích 158m² và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 2,5 tầng có diện tích xây dựng là 225m² tại địa chỉ: Thôn 5, xã H, thị xã M (nay là thành phố M), tỉnh Quảng Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 706962 do Ủy ban nhân dân thị xã Móng Cái cấp ngày 11/6/2007 và giấy cam kết quyền sở hữu tài sản ngày 27/11/2014. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 15A/HĐTC ký ngày 24/5/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 202A/VBSĐ,BS ngày 27/11/2014. Hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng và ông T, bà Gi.

+ Quyền sử dụng thửa đất số 00, diện tích 80m² tại địa chỉ: Thôn 5, xã H, thị xã M (nay là thành phố M), tỉnh Quảng Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 702382 do Ủy ban nhân dân thị xã Móng Cái cấp ngày 22/6/2006 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202B/VBSĐ,BS ngày 27/11/2014. Hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng và ông T, bà Gi.

Ngày 27/11/2014, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 2.320.000.000đ (*hai tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng*) cho ông T, thể hiện qua giấy nhận nợ ngày 27/11/2014 (bút lục số 47). Trong quá trình vay vốn, ông T gặp khó khăn nên ngày 30/3/2015, ông T có giấy đề nghị kiêm phương án cơ cấu lại thời hạn trả nợ và đã được Ngân hàng đồng ý. Theo đó, thời hạn trả nợ mới là đến ngày 30/3/2016. Tuy nhiên, đến hết ngày 30/3/2016 ông T vẫn không trả nợ. Ngày 25/9/2017, ông T trả số tiền gốc là 400.000.000đ (*bốn trăm triệu đồng*). Từ thời điểm đó cho đến nay, ông T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ nữa.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà yêu cầu Tòa án buộc:

- Ông Bùi Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc là 1.920.000.000đ (*một tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng*); lãi trong hạn là 919.520.000đ (*chín trăm mười chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*); lãi quá hạn là 294.653.333đ (*hai trăm chín mươi tư triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*); đồng thời tiếp tục tính lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đối với khoản tiền gốc và tính lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trong trường hợp Ngân hàng có sự điều chỉnh về lãi suất thì phải căn cứ vào sự điều chỉnh lãi suất đó.

- Đề nghị tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 15A/HĐTC và 15B/HĐTC ngày 24/5/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 202A/VBSD,BS và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202B/VBSD,BS ngày 27/11/2014 để đảm bảo thi hành án.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại các tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông T phải có nghĩa vụ trả nợ hết các khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

- Đối với các chi phí tố tụng:

- + Chi phí đăng tin: Ngày 21/6/2018, Ngân hàng đã nộp 10.000.000đ tiền chi phí đăng tin cho Tòa án. Ngày 02/7/2018, Tòa án đã có biên bản làm việc thanh toán chi phí đăng tin. Ngân hàng đã nhận lại chi phí còn lại sau khi đăng tin là 6.100.000đ. Đến nay, Ngân hàng chịu khoản chi phí đăng tin theo quy định của pháp luật.

- + Chi phí xem xét thẩm định, tại chỗ: Ngày 06/7/2018, Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Đối với khoản chi phí này, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Bùi Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Gi: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái đã tiến hành tổng đạt: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, Tòa án đều không thực hiện việc tổng đạt được trực tiếp vì ông T và bà Gi đều không có mặt tại địa phương. Tòa án đã

thực hiện việc niêm yết các văn bản cần tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời đã thông báo tìm kiếm ông T và bà Gi trên các phương tiện thông tin đại chúng (Báo nhân dân và Đài tiếng nói Việt Nam). Đến nay, cũng không có tin tức gì về việc ông T và bà Gi ở đâu.

Tại Bản án kinh doanh thương mại số 04/2018/KDTM-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, xử: Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 156, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ: Điều 90, Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Án lệ số 08/2016 được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án tòa án nhân dân Tối cao.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 318, các Điều 319, 323, 342, 343, 347, 348, 349, 350, 351, 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ: Khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

Buộc ông Bùi Văn T phải hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V tổng số tiền là 3.023.573.333đ (*ba tỷ không trăm hai mươi ba triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Bùi Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Bùi Văn T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp thế số 15A/HĐTC, 15B/HĐTC ngày 24/5/2012 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 202A/VBSD,BS và 202B/VBSD,BS ngày 27/11/2014 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V với ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị Gi để đảm bảo thi hành án. Trong trường hợp ông Bùi Văn T không trả nợ hoặc không trả đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 8090-LAV-201402042 lập ngày 27/11/2014, thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 00, diện tích 158m² và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 2,5 tầng diện tích xây dựng là 225m², địa chỉ thửa đất: Thôn 5, xã H, thị xã M (nay là thành phố M), tỉnh Quảng Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số AG 706962 do Ủy ban nhân dân thị xã Móng Cái cấp ngày 11/6/2007, chủ sử dụng đất: hộ bà Nguyễn Thị Gi; thửa đất số 00, diện tích 80m², địa chỉ thửa đất: Thôn 5, xã H, thị xã M (nay là thành phố M), tỉnh Quảng Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 702382 do Ủy ban nhân dân thị xã Móng Cái cấp ngày 22/6/2012, người sử dụng đất hộ bà Nguyễn Thị Gi. (Kèm theo bản án là sơ đồ hiện trạng tài sản bảo đảm nêu trên).

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại các tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông T phải có nghĩa vụ trả nợ hết các khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

Bác yêu cầu tính tiền lãi quá hạn đối với số tiền 1.920.000.000đ tính từ ngày 25/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam với số tiền là 110.600.000đ (*một trăm mười triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Buộc ông Bùi Văn T phải hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

2. Về án phí: Buộc ông Bùi Văn T phải chịu 92.471.466đ (*chín mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Buộc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V phải chịu 5.530.000đ (*năm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V đã nộp là 45.804.000đ (*bốn mươi lăm triệu tám trăm linh bốn nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001256 ngày 05/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Trả lại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V số tiền còn lại là: 40.274.000đ (*bốn mươi triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo đối với các bên đương sự.

Ngày 09/11/2018, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V kháng cáo với nội dung: Sửa một phần bản án sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái theo hướng chấp nhận yêu cầu tính lãi quá hạn đối với số nợ gốc 1.920.000.000đ, từ ngày 25/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện và kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử và nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Người tham gia tố tụng (nguyên đơn) thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về quan hệ tranh chấp: xác định tư cách pháp lý, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đảm bảo có căn cứ và đúng luật định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa bản án kinh doanh thương mại số 04/2018/KDTM-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái về phân lãi quá hạn từ ngày 25/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về tố tụng: Đây là vụ án kinh doanh thương mại “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Việc thụ lý giải quyết, xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn ông Bùi Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G vắng mặt, cấp phúc thẩm đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và các quyết định hoãn phiên tòa tại địa phương.

Ngày 09/4/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhận được đơn xin hoãn phiên tòa phúc thẩm của ông Bùi Văn T (đơn không ghi địa chỉ) với lý do: Ngày 19/3/2019, ông T đã có đơn xin gia hạn gửi Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V, Tổng giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V, đã được Ban lãnh đạo Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V chấp thuận cho ông được gia hạn trả dần trong thời gian 12 tháng; ông T đưa ra phương án trả nợ với số tiền 20.000.000đ/tháng và sẽ huy động các nguồn vay của bạn bè, người thân để trong khoảng thời gian 12 tháng sẽ hoàn trả Ngân hàng được 50% nợ gốc. Xét thấy, đơn xin hoãn phiên tòa và nội dung về việc trả nợ của ông T không có xác nhận của Ban lãnh đạo Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10/4/2019, ông T ủy quyền cho bà Hoàng Thanh T; địa chỉ: số 11, hẻm 26/15, ngõ Th, phường Th, Quận Đ, thành phố Hà Nội; số căn cước công dân 014173000036 thay ông T đến tham gia phiên tòa về việc xin gia hạn khoản vay của ông T với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V - chi nhánh thành phố M, Quảng Ninh. Bà T xác định ông T đã nắm bắt nội dung của bản án sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái. Tuy nhiên, giấy ủy quyền không có chữ ký của người nhận ủy quyền và không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, nội dung ủy quyền cũng không liên quan đến phạm vi xét xử phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận giấy ủy quyền của ông Bùi Văn T ủy quyền cho bà Hoàng Thanh T.

[2]- Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng phúc thẩm thấy:

Ngày 27/11/2014, ông Bùi Văn T có vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và

phát triển nông thôn V - chi nhánh thành phố M (nay là chi nhánh Đ Quảng Ninh), với số tiền là 2.320.000.000đ (*hai tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng*); lãi suất cho vay là 10,5%/năm; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 27/11/2014 đến ngày 27/11/2015; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất đã thỏa thuận; mục đích vay là để kinh doanh nguyên vật liệu xây dựng.

Ngày 27/11/2014, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 2.320.000.000đ cho ông T, thể hiện qua giấy nhận nợ ngày 27/11/2014. Trong quá trình vay vốn, ông T gặp khó khăn nên ngày 30/3/2015, ông T có giấy đề nghị kiêm phương án cơ cấu lại thời hạn trả nợ và đã được Ngân hàng đồng ý. Theo đó, thời hạn trả nợ mới là đến ngày 30/3/2016, phương án trả nợ sau khi cơ cấu là: trả gốc 2.320.000.000đ, trả lãi 12 tháng một lần vào ngày 27. Ngoài ra giữa Ngân hàng và ông T không có thỏa thuận nào khác.

Tuy nhiên, đến hết ngày 30/3/2016 ông T vẫn không trả được nợ. Ngày 25/9/2017, ông T trả số tiền gốc là 400.000.000đ (*bốn trăm triệu đồng*). Từ ngày 25/9/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/10/2018, ông T không trả được thêm khoản tiền nào khác. Như vậy, ông T đã vi phạm Hợp đồng tín dụng số 8090-LAV-201402042, giấy nhận nợ ngày 27/11/2014 và vi phạm cam kết tại phương án cơ cấu lại thời hạn trả nợ ngày 30/3/2015. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn tính từ ngày 30/3/2016 đến 24/9/2017 và từ ngày 25/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn từ ngày 30/3/2016 đến ngày 24/9/2017 là có căn cứ.

Đối với yêu cầu trả lãi quá hạn từ ngày 25/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm của Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy:

Theo Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận của các bên theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn... Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*”.

Đồng thời, căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và án lệ số 08/2016 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thì trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng; trường hợp này,

khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay.

Xét thấy, ông T và Ngân hàng đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ là đến ngày 30/3/2016. Tuy nhiên, đến ngày 30/3/2016, ông T không trả nợ cho Ngân hàng mà đến ngày 25/9/2017 ông T mới trả cho Ngân hàng 400.000.000đ tiền nợ gốc. Số tiền gốc còn nợ là 1.920.000.000đ. Do giấy đề nghị kê khai phương án cơ cấu lại nợ là một phần phụ lục của hợp đồng, chỉ sửa đổi Điều 4 của Hợp đồng về thời hạn trả nợ, còn các điều khoản khác của Hợp đồng vẫn giữ nguyên, nên đủ căn cứ xác định, ông T vi phạm hợp đồng tại thời điểm hết thời hạn thực hiện hợp đồng là ngày 30/3/2016. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận, cần buộc ông T có nghĩa vụ trả lãi quá hạn cho Ngân hàng kể từ ngày 25/9/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/10/2018 trên số nợ gốc 1.920.000.000 đồng.

Cụ thể, ông T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc còn lại là 1.920.000.000đ từ ngày 25/9/2017 đến ngày 26/10/2018 là:

- Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 25/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/10/2018 là: $(395 \text{ ngày} \times 1.920.000.000\text{đ} \times 5,25\%) : 360 \text{ ngày} = 110.600.000\text{đ}$.

Tổng số tiền ông Bùi Văn T phải hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V là 3.134.173.333đ (*ba tỷ một trăm ba mươi tư triệu một trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*), trong đó: số tiền nợ gốc là 1.920.000.000đ (*một tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng*); tiền lãi là 1.214.173.333đ (*một tỷ hai trăm mười bốn triệu một trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

[3]- Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông T phải chịu 92.471.466đ, tiền án phí dân sự sơ thẩm. Buộc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V phải chịu 5.530.000đ, tiền án phí dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V đã nộp là 45.804.000đ, theo biên lai thu tiền số 0001256 ngày 05/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh là sai. Đây là vụ án kinh doanh thương mại nên các đương sự phải chịu án phí kinh doanh thương mại, cần sửa lại. Mặt khác, ông T phải có nghĩa vụ trả nợ lãi quá hạn nên phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án kinh doanh thương mại số 04/2018/KDTM-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái về phần lãi quá hạn từ ngày 25/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/10/2018.

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476, khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ án lệ số 08/2016 được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Bùi Văn T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V tổng số tiền là 3.134.173.333đ (*ba tỷ một trăm ba mươi tư triệu một trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 1.920.000.000đ; tiền lãi là 1.214.173.333đ (trong đó: tiền lãi trong hạn là 919.520.000đ, tiền lãi quá hạn là 294.653.333đ, trong đó lãi quá hạn từ ngày 25/9/2017 đến ngày 26/10/2018 là 110.600.000đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Bùi Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Bùi Văn T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc ông Bùi Văn T phải chịu 94.683.466đ (*chín mươi tư triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 45.804.000đ (*bốn mươi lăm triệu tám trăm linh bốn nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001256 ngày 05/6/2018 và số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí số 0001468 ngày 15/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh ;
- TAND thành phố Móng Cái ;
- VKSND thành phố Móng Cái ;
- THADS thành phố Móng Cái ;
- Lưu hồ sơ;VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Thắng

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh ;
- TAND thành phố M ;
- VKSND thành phố M ;
- THADS thành phố M ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Thắng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA